

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 02-12-2021

V/v “Tranh chấp ly hôn và nuôi
con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Hằng Ni.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Tám.

Bà Đặng Thị Tiềm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Vinh – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Liễu - Kiểm sát viên.

Vào ngày 02 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý: 158/2021/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2021 về việc: “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 63/2021/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Bé D, sinh năm 1997 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã V, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

- *Bị đơn:* Anh Cao Thanh T, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp P, xã K, thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Bé D trình bày: Chị với anh Cao Thanh T do tự tìm hiểu mà T đến hôn nhân vào năm 2018 có đăng ký kết hôn. Chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau dẫn đến thường xuyên cãi nhau. Vì con, nhiều lần chị đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành, anh T lại thường xuyên dùng vũ lực với chị, có lời lẽ xúc phạm chị và ba mẹ chị, do đã quá sức chịu đựng nên chị với anh T đã ly thân từ tháng 4/2021 đến nay. Nhận thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể nào hàn gắn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị xin ly hôn với anh T.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Cao Ngọc T1, sinh ngày 19/7/2018, hiện đang sống với chị. Ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, chưa yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản - nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Cao Thanh T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có ý kiến phản bác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Bé D. Cho chị Nguyễn Bé D được ly hôn với anh Cao Thanh T.

- Về con chung: Giao cháu Cao Ngọc T1, sinh ngày 19/7/2018 cho chị Nguyễn Bé D chăm sóc nuôi dưỡng.

- Về tài sản - nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Bé D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xác định đây là vụ án tranh chấp về ly hôn và nuôi con và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Bé D có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vụ án vắng mặt, bị đơn anh Cao Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để xét xử nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, chị Nguyễn Bé D với anh Cao Thanh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã K, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 53 vào ngày 11/6/2018, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, xét thấy quan hệ vợ chồng giữa chị D với anh T đã thật sự đổ vỡ, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ. Bởi lẽ, theo chị D trình bày chị với anh T chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau dẫn đến thường xuyên cãi nhau. Vì con, nhiều lần chị đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành, anh T lại thường xuyên dùng vũ lực với chị, có lời lẽ xúc phạm chị và ba

mẹ chị, do đã quá sức chịu đựng nên chị với anh T đã ly thân từ tháng 4/2021 đến nay. Riêng đối với anh Cao Thanh T, từ khi được Tòa án thông báo về việc chị D ly hôn anh vẫn bỏ mặc không có ý kiến gì, chứng tỏ anh không còn quan tâm đến tình cảm vợ chồng với chị D nữa. Từ đó cho thấy tình cảm vợ chồng giữa chị D với anh T thật sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho chị D được ly hôn với anh T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị Nguyễn Bé D trình bày quá trình chung sống vợ chồng có một con chung tên Cao Ngọc T1, sinh ngày 19/7/2018. Ly hôn chị D yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trần. Anh T không có ý kiến phản đối. Xét thấy, từ khi từ khi chị D và anh T sống ly thân thì cháu Trần do chị D trực tiếp nuôi dưỡng, có cuộc sống ổn định, sức khỏe tốt. Do vậy, để đảm bảo cho sự phát triển ổn định về thể chất, sự phát triển về tinh thần, cũng như các quyền lợi khác của con chung nên tiếp tục giao con chung cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về cấp dưỡng: Anh Cao Thanh T chưa phải cấp dưỡng nuôi con do chị Nguyễn Bé D chưa có yêu cầu.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Bé D trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn anh Cao Thanh T vắng mặt nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: Chị Nguyễn Bé D phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Xét ý kiến phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về quan hệ hôn nhân, con chung là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Bé D. Cho chị Nguyễn Bé D được ly hôn với anh Cao Thanh T.

2. Về con: Giao con chung tên Cao Ngọc T1, sinh ngày 19/7/2018 cho chị Nguyễn Bé D chăm sóc nuôi dưỡng. Anh Cao Thanh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Bé D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số

0006998 ngày 23/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên xem như đã thi hành xong.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSNDTX Cai Lậy;
- CCTHADSTX Cai Lậy;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Dương Thị Hằng Ni

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSNDTXCai Lậy;
- CCTHADSTXCai Lậy;
- UBND xã Mỹ Phước Tây, TXCai Lậy, TG;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Dương Thị Hằng Ni

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- CC THADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã Mỹ Long, huyện Cai Lậy, TG;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Dương Thị Hằng Ni

‘

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- CC THADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã K, thị xã Cai Lậy, TG
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Dương Thị Hằng Ni

Dương T

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi... giờ...phút, ngày 02 tháng 6 năm 2021.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Hằng Ni.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Thanh Hải.

Bà Đặng Thị Tiềm.

T hành nghị án vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 158/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2021 về việc: “ Tranh chấp ly hôn và nuôi con” giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Bé D, sinh năm 1997 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã V, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

- *Bị đơn*: Anh Cao Thanh T, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp P, xã K, thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật⁽⁸⁾.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Bé D. Cho chị Nguyễn Bé D được ly hôn với anh Cao Thanh T.

2. Về con: Giao con chung tên Cao Ngọc T1, sinh ngày 19/7/2018 cho chị Nguyễn Bé D chăm sóc nuôi dưỡng. Anh Cao Thanh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Bé D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006998 ngày 23/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang nên xem như đã thi hành xong.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Kết quả biểu quyết: 3/3 (100%).

Nghị án kết thúc vào hồi..... giờ..... phút, ngày 02 tháng 6 năm 2021.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)